TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN X** **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 10 năm 2018
(V/v Ly hôn giữa chị L và anh T)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X ,
TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thu Hiền
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Thắng
2. Ông Hoàng Văn Chiến

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Cao Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân HUYỆN X , TỈNH H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân HUYỆN X tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân HUYỆN X , TỈNH H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2018/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1328/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Hải L, sinh năm: 1992;
Địa chỉ: Phố M, xã M, huyện Y, TỈNH H (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Cù Đức T**, s**inh năm 1991;
Địa chỉ: Tổ 10, thị trấn V, HUYỆN X , TỈNH H (Triệu tập hợp lệ lần thứ 2 thì bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/7/2018 và bản tự khai tại Tòa án cùng các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn trình bày: Chị Hoàng Hải Ltự nguyện kết hôn với anh Cù Đức T vào ngày 02/3/2013 tại UBND thị trấn V, HUYỆN X , TỈNH H. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau khoảng hơn một năm. Đến tháng 9/2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do trong cuộc sống vợ chồng có những bất đồng quan điểm sống, anh T hay chơi cờ bạc, về lại còn chửi và đánh đập chị L nhiều lần. Kể từ tháng 2/2017 chị L nhận công tác tại trung tâm Y Tế huyện Y, anh T đi làm ăn ở Hà Nội thì cuộc sống vợ chồng phải sống xa cách nhau, dẫn đến anh T đã vô cớ ghen chị với đồng nghiệp và thường xuyên có những tin nhắn dọa nạt, uy hiếp làm cho chị

suy sụp về tinh thần, nhận thấy sự mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chị làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh Cù Đức T.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị có một con chung là cháu Cù Thảo V (sinh ngày 24/11/2015). Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu V cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản riêng: Cả hai vợ chồng không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị có đơn trình bày do điều kiện cá nhân chị không thể tham gia tố tụng theo giấy triệu tập của Tòa án được nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 17/7/2018, bị đơn là anh Cù Đức T trình bày :

Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí ly hôn với chị Hoàng Hải L vì mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng và kéo dài, không thể hàn gắn được nữa.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng anh có một con chung là cháu Cù Thảo V (sinh ngày 24/11/2015). Khi ly hôn anh nhất trí giao cháu V cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng anh không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản riêng: Vợ chồng anh không có tranh chấp gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong phiên hòa giải và tại phiên tòa: Anh T không nhất trí với yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn của chị Hoàng Hải L, vì: Sau thời gian vợ chồng sống ly thân, anh thấy vẫn còn tình cảm với chị L và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để có điều kiện trực tiếp nuôi dạy con trưởng thành.

Ngày 19/9/2018 Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ lần 2 đối với anh Cù Đức T nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của chị Hoàng Hải Lvề việc xin ly hôn với anh Cù Đức T được Tòa án nhân dân HUYỆN X thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định tư cách đương sự, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định. Thẩm phán đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp

cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại khoản 2 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi Tòa án tiến hành hòa giải không thành và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị L có đơn xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án; anh T vắng mặt lần 2 không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Hải Lvới anh Cù Đức T có đăng ký kết hôn vào ngày 02/3/2013 tại UBND thị trấn V, HUYỆN X , TỈNH H trên cơ sở tự nguyện. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn. Đến tháng 9/2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng có những bất đồng quan điểm. Kể từ tháng 2/2017 chị L nhận công tác tại trung tâm Y tế huyện Y, anh T đi làm ăn ở Hà Nội, vợ chồng sống xa cách nhau, dẫn đến anh T không tin tưởng vì cho rằng chị L có quan hệ bất chính với đồng nghiệp nên thường xuyên có những tin nhắn dọa nạt, uy hiếp làm ảnh hưởng trầm trọng đến tinh thần của chị L. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác".* Quá trình hòa giải, chị L xác định không còn tình cảm với anh T nữa nên nguyện vọng của chị xin được ly hôn.

Yêu cầu của anh T mong muốn gia đình đoàn tụ để vợ chồng cùng nuôi dạy con trưởng thành, nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh T không có những hành động tích cực để hàn gắn, cải thiện tình cảm vợ chồng .

Xét về quan hệ tình cảm của chị L và anh T đã vi phạm nghiêm trọng đến quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để chấp nhận cho chị L được ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị L , anh T có một con chung là cháu Cù Thảo V (sinh ngày 24/11/2015). Khi ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu V cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu của chị L về việc xin được nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng, phải căn cứ vào điều kiện kinh tế của mỗi bên cũng như quyền lợi mọi mặt của đứa trẻ. Theo kết quả xác minh thực tế chị L có công việc làm ổn định có mức thu nhập đảm bảo để chăm sóc nuôi dưỡng con phát triển và trưởng thành toàn diện, hơn nữa cháu Cù Thảo V tính đến ngày xét xử, chưa được 36 tháng tuổi nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều

81của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Cù Thảo V (sinh ngày 24/11/2015) cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Quyền và Nghĩa vụ của chị L được thực hiện theo quy định tại Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Quyền và Nghĩa vụ của anh T được thực hiện theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Quá trình chung sống Chị L, anh T chưa tạo lập được tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng anh chị cũng không có công nợ chung.

[5] Về tài sản riêng: Vợ chồng chị L, anh T không có tranh chấp gì về tài sản riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung và tài sản riêng, công nợ chung của chị L và anh T.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con của chị Hoàng Hải L đối với anh Cù Đức T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Hải L được ly hôn với anh Cù Đức T.

3.Về con chung: Giao con chung là cháu Cù Thảo V (sinh ngày 24/11/2015) cho chị Hoàng Hải L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu V

trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Cù Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cả hai bên đương sự đều được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con;

4. Về án phí: Chị Hoàng Hải L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự HUYỆN X , TỈNH H là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 01940 ngày 09 tháng 7 năm 2018. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Chị Hoàng Hải L, Anh Cù Đức T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết tại nơi thường trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh;*
- *VKSND HUYỆN X ;*
- *THADS HUYỆN X ;*
- *UBNDTT Vị Xuyên, HUYỆN X ,*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, vp.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Thu Hiền

Thành viên Hội đồng xét xử	Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
Hoàng Văn Chiến Nguyễn Ngọc Thắng	**Vũ Thu Hiền**